

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL,
TỈNH ĐẮKNÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST

Ngày 02/8/2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Sỹ Phác
2. Ông Nguyễn Văn Xung

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Kim Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân Hện Đắc Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 3 năm 2018 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1978

Địa chỉ: thôn A, xã Đ, Hện Đ, tỉnh Đ.

- Bị đơn: anh Đỗ Mạnh H, sinh năm 1968

Địa chỉ: thôn A, xã Đ, Hện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn (chị Nguyễn Thị N) trình bày: Chị và anh Đỗ Mạnh H kết hôn với nhau vào năm 1998, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, Hện Đ, tỉnh Đ. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cách sống, hay cãi nhau vì những việc nhỏ nhặt trong gia đình, không quan tâm đến nhau nữa, có lần anh H đi uống rượu về có chửi và đánh chị gây thương tích phải đi viện. Chị và anh H đã chính thức sống ly thân với nhau từ ngày 01/7/2018. Chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Mạnh H. Trong thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung: cháu Đỗ Quang Đ, sinh ngày 15/6/1999 và cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 01/9/2001. Khi ly hôn, chị xin được nuôi dưỡng cháu Đỗ Quang H, không yêu cầu anh H cấp

dưỡng tiền nuôi con chung, còn cháu Đỗ Quang Đ (sinh năm 1999) đã trưởng thành nên không đặt ra để giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh chị cũng không nợ ai cả.

- Theo lời khai trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, bị đơn (anh Đỗ Mạnh H) trình bày: Anh Đỗ Mạnh H thống nhất với lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do có lần anh đi nhậu về có đánh chị N mấy cái, ngoài ra anh thấy không còn mâu thuẫn nào khác. Anh H không đồng ý ly hôn. Trường hợp chị N cương quyết ly hôn và Tòa án giải quyết cho ly hôn thì việc ai nuôi con chung sẽ do con lựa chọn, anh tôn trọng ý kiến của con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình tố tụng cháu Đỗ Quang H (sinh ngày 01/9/2001) trình bày: Cháu Đỗ Quang H có bố là Đỗ Mạnh H và mẹ là Nguyễn Thị N. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu H là được sống cùng với mẹ (chị Nguyễn Thị N).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và căn cứ vào các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N xin ly hôn. Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Đỗ Mạnh H.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 01/9/2001 cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị N yêu cầu xin ly hôn với anh Đỗ Mạnh H, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình (ly hôn) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Đỗ Mạnh H có địa chỉ cư trú tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[3] 2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Mạnh H đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1998 tại UBND xã Đ, huyện Đ, hôn nhân là tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm lối sống, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì được chính quyền địa phương cung cấp nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N, anh H là vì có lần đi nhậu về anh H có đánh chị N. Tại phiên tòa, chị N thừa nhận không còn tình cảm với anh H, không muốn tiếp tục chung sống với anh H và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống. Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh từ lâu, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng cũng đã sống ly thân với nhau, mâu thuẫn giữa chị N và anh H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N và cho chị N được ly hôn với anh H.

[4] 2.2. Về nuôi con chung: chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Mạnh H có 02 con chung: cháu Đỗ Quang Đ, sinh ngày 15/6/1999 (đã trưởng thành) và cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 01/9/2001. Hiện các cháu đang ở với anh chị tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ. Chị N có nguyện vọng được nuôi con điều này thể hiện trách nhiệm của người làm mẹ đối với con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên.

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì thì Tòa án quyết định giao con cho một bên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Hiện cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 01/9/2001 đang ở với chị N, trong quá trình làm việc tại Tòa án cháu H cho rằng nếu bố, mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ, chị N có chỗ ở, có công việc và thu nhập ổn định nên có điều kiện chăm sóc con chung. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 01/9/2001 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[5] 2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] 2.4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Trong quá trình chung sống cũng không vay mượn gì ai.

[7] **3. Về án phí:** Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N về việc ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Đỗ Mạnh H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 01/9/2001 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, người trực tiếp nuôi con không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục các cháu.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 ; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân gia đình 2014

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 0000887 ngày 22/3/2018 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đ, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng